

tôn giáo: Không; con ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Ph (đều đã chết); có vợ là Đinh Thị Bích Th và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2014 đến ngày 25/7/2014 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; hiện tại ngoại. Có mặt.

4. Đậu Hữu T, sinh ngày 20/8/1960; nơi cư trú: Khối 11, thị trấn XA, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NX; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đậu S (đã chết) và con bà Phan Thị B; có vợ là Trần Thị M và có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2014 đến ngày 08/9/2014 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; hiện tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đậu Hữu T*: Luật sư Nguyễn Đình L - Công ty luật TNHH pháp lý Hồng Lĩnh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đậu Hữu Th*: Luật sư Phạm Danh T - Văn phòng Luật sư Danh Tín, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Dự án xây dựng cầu Bến Thủy 2 được Bộ giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2983/QĐ-BGTVT ngày 02/10/2008, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 giao cho UBND huyện NX làm chủ đầu tư; UBND huyện NX đã có Quyết định số 640 ngày 10/6/2010 thành lập Ban quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án cầu Bến Thủy II đoạn đi qua huyện NX và dự án xây dựng khu tái định cư để thực hiện dự án xây dựng cầu Bến Thủy 2 do ông Nguyễn Hiền L - Chủ tịch UBND huyện NX làm Trưởng ban, ông Lê Duy V - Phó Chủ tịch UBND huyện NX làm Phó Trưởng ban. Quyết định số 852 ngày 02/8/2010 thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng khu tái định cư và xây dựng cầu Bến Thủy 2 đi qua huyện NX. Ban quản lý dự án được thành lập theo quy định, giữ vai trò làm trung gian trong việc tiếp nhận kinh phí, làm thủ tục giải ngân, quyết toán và báo cáo tiến độ giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án. Theo quy định trên thì ông Nguyễn Hiền L - Trưởng ban quản lý dự án huyện NX với tư cách là đơn vị chủ đầu tư ký thủ tục rút vốn và bàn giao cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 và Ban quản lý dự án xây dựng khu tái định cư do ông Lê Duy V làm chủ tài khoản, chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và căn cứ vào hồ sơ diện tích thực tế chịu ảnh hưởng của dự án để quyết định việc duyệt chi trả bồi thường, hỗ trợ và thực hiện việc thanh quyết toán theo đúng chế độ tài chính quy định. Năm 2010, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 đã tham mưu cho

UBND huyện NX tiến hành đợt 1, thu hồi và bồi thường chi trả cho trên 600 hộ, đợt này chủ yếu bồi thường, thu hồi đất nông nghiệp có diện tích và địa chỉ thửa đất rõ ràng nên không phát sinh sai phạm. Năm 2011, thực hiện bồi thường, hỗ trợ đợt 2, UBND huyện NX ra Quyết định thu hồi đất của 42 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án với tổng diện tích thu hồi là 6.080,3m² trong đó có 32 hộ phải di dời toàn phần. Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 đã lập hồ sơ phê duyệt bồi thường, hỗ trợ số tiền 11.334.366.000 đồng, trong đó có 37 hồ sơ bồi thường nằm trong diện xem xét cấp đất tái định cư. Đây là khu vực đất thổ cư bám Quốc lộ 1A có khung áp giá bồi thường cao bao gồm đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối... nên đã phát sinh tiêu cực, sai phạm.

1. Hành vi bị truy tố và xét xử sơ thẩm về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" của Nguyễn Văn H và Đậu Hữu Th; hành vi "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" của Lê Quang S và Đậu Hữu T đối với 02 hồ sơ bồi thường mang tên Trương Hữu H và Trần Văn H.

- Đối với hồ sơ Trương Hữu H: Năm 1993, Đậu Hữu Th lúc đó là Chủ tịch UBND xã XA (*Đậu Hữu Th nghỉ công tác từ tháng 6 năm 1999, bắt đầu nhận chế độ trợ cấp từ 01/10/2011*) tự ý lập hồ sơ với mục đích hợp thức cho Trương Hữu H (*Con rể của chị gái vợ Đậu Hữu Th*) một lô đất nhưng không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính nên đã sang bộ phận kế toán lấy mẫu phiếu thu có chữ ký và dấu không chỉ của UBND xã (phiếu thu đó được bộ phận kế toán dùng để thu tiền thuế khi Chủ tịch UBND xã đi vắng) mang về phòng làm việc rồi viết không Phiếu thu số 49, đề ngày 26/07/1993, người nộp: Trương Hữu H, nội dung nộp: Tiền lệ phí cấp đất, số tiền 900.000 đồng. Sau đó, Th giả mạo chữ ký, chữ viết của bà Phan Thị H - kế toán, bà Trịnh Thị D - thủ quỹ, chữ ký của Trương Hữu H và lấy mẫu Biên bản giao đất tại phòng làm việc nhờ người viết các thông tin trong biên bản (Th không nhớ là nhờ ai viết) về tên, tuổi, địa chỉ, vị trí đất, diện tích, ghi ngày 18/8/1993. Th cũng ký dưới mục T/M UBND xã XA, thời điểm đó do hai vợ chồng H đang có mâu thuẫn nên Th không giao lại cho H, khi nghỉ chờ chế độ (1999) bị cáo mang về nhà cất giữ.

- Đối với hồ sơ bồi thường mang tên Trần Văn H, năm 1992 ông H được UBND xã XA cho thuê một lô đất để làm xưởng cưa. Sau này Đậu Hữu Th lấy mẫu biên bản giao đất của xã XA, rồi nhờ người khác viết các thông tin trong biên bản giao đất theo hướng dẫn của Th về vị trí, tứ cận Đông Tây Nam Bắc, diện tích 240m² ghi lùi thời gian về ngày 20/12/1993 cho phù hợp thời điểm ông Trần Văn H thuê đất, nộp về Phòng tài nguyên và môi trường để hợp thức quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn H nhưng không được UBND huyện NX chấp nhận, vì tại thời điểm đó ông H chỉ có thủ tục thuê đất, không có phiếu thu tiền. Năm 1994, Đậu Hữu Th lấy mẫu phiếu thu tại phòng làm việc của mình lập không chứng từ số 86 ngày 20/6/1994 rồi tự viết các thông tin trong phiếu thu phản ánh việc ông Trần Văn H nộp số tiền 1.000.000 đồng hợp thức đất ở, Th ký dưới mục Thủ trưởng đơn vị và giả mạo chữ ký của bà Phan Thị H - kế toán (nay đã nghỉ hưu), bà Trịnh Thị D - thủ quỹ và chữ ký của ông Trần Văn H dưới mục người nộp tiền, tự đóng dấu UBND xã XA, NX, Nghệ Tĩnh. Năm 1999

được nghỉ chờ chế độ, Đậu Hữu Th mang về nhà cất giữ. Năm 2009, khi biết có dự án xây dựng cầu Bến Thủy 2, Đậu Hữu Th đã đặt vấn đề mua lại đất của ông Trần Văn H với số tiền 270 triệu đồng, hai bên làm thủ tục mua bán trao tay, Th đến nhận hồ sơ từ Đậu Hữu T - Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện NX (vì trước đó ông Trần Văn H nộp hồ sơ ở đây để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận) rồi sử dụng phiếu thu tiền do trước đây Th lập không kèm theo hồ sơ đưa cho Nguyễn Văn H để hưởng chính sách bồi thường hỗ trợ tái định cư cầu Bến Thủy 2.

Hai bộ hồ sơ nói trên, Đậu Hữu Th là người trực tiếp lập không phiếu thu tiền, biên bản giao đất cho Trương Hữu H và Trần Văn H từ năm 1993, 1994. Thực chất hồ sơ mang tên Trương Hữu H và Trần Văn H không được đưa ra bàn bạc trong tập thể lãnh đạo xã XA lúc bấy giờ để xét duyệt cấp đất ở nên không có việc Trương Hữu H và Trần Văn H nộp tiền sử dụng đất.

Khi nộp 2 bộ hồ sơ mang tên Trương Hữu H và Trần Văn H để làm thủ tục bồi thường Đậu Hữu Th đã nói rõ cho Nguyễn Văn H biết về các tài liệu như phiếu thu tiền, biên bản giao đất là giả mạo.

Nguyễn Văn H là công chức địa chính của UBND thị trấn XA, đồng thời là thành viên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2, có trách nhiệm: Tiến hành thu thập hồ sơ của các hộ dân bị ảnh hưởng, phối hợp với các thành viên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 tổ chức đo đạc, kiểm đếm khối lượng, vẽ trích đo địa chính khu đất phục vụ công tác lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giúp cho Chủ tịch UBND thị trấn ra văn bản đề nghị UBND huyện thu hồi đất để bồi thường cho các hộ dân. Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, khi tiếp nhận 02 hồ sơ bồi thường mang tên Trương Hữu H và Trần Văn H do Đậu Hữu Th nộp, Nguyễn Văn H biết rõ hồ sơ không đủ điều kiện để bồi thường khi thu hồi đất, trong hồ sơ có tài liệu lập không nhưng do động cơ tình cảm cá nhân giữa Nguyễn Văn H và Đậu Hữu Th (mẹ vợ Đậu Hữu Th với mẹ của Nguyễn Văn H là chị em ruột) nên Nguyễn Văn H đã nhận, hoàn thiện và lập hồ sơ bồi thường 02 lô đất này cho Đậu Hữu Th và nộp cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 để làm thủ tục bồi thường trái với quy định của Nhà nước.

Ngày 25/10/2011, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 có Tờ trình số 24 đề nghị UBND huyện NX phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ đợt 2 trong đó có 2 bộ hồ sơ của Trương Hữu H và Trần Văn H. Cùng ngày 25/10/2011, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cầu Bến Thủy 2 chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NX để thẩm định. Ngày 28/10/2011, UBND thị trấn XA có Tờ trình số 68 đề nghị thu hồi đất của 18 hộ dân với diện tích 2.596,8m² để bồi thường, UBND huyện NX có Quyết định số 1927/QĐ-UBND thu hồi đất của 18 hộ để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng.

Sau khi hồ sơ được chấp nhận bồi thường, ngày 30/12/2011 ông Trần Văn H đã nhận thay số tiền bồi thường 551.357.200 đồng cho Đậu Hữu Th và tạm nộp mua đất tái định cư 360.000.000 đồng, số còn lại 191.357.000 đồng ông

Trần Văn H lấy sử dụng (sau đó đã đưa lại cho Đậu Hữu Th số tiền 11.000.000 đồng). Đối với hồ sơ mang tên Trương Hữu H, do Nguyễn Văn H hướng dẫn nên Đậu Hữu Th đã nhờ anh Nguyễn Văn Th ở thành phố Vinh đến nhận giúp. Khi anh Th đến nhận Nguyễn Văn H đưa Th đến phòng Hoàng Văn Đ - Phó Chủ tịch UBND thị trấn XA làm thủ tục xác nhận Th là Trương Hữu H, rồi nhận số tiền 351.000.000 đồng và nộp hết vào tiền mua đất tái định cư.

- Tại Thông báo kết quả giám định số 167 ngày 18/11/2013, số 170 ngày 28/11/2013, số 174 ngày 29/11/2013, số 09 ngày 05/9/2014 về chữ ký, chữ viết, con dấu thể hiện:

+ Chữ ký đề tên Đậu Hữu Th trong biên bản bàn giao đất ngày 20/12/1993; biên bản giao đất ngày 18/8/1993; văn bản điều chỉnh kích thước đất ở ngày 20/01/1996 và chữ ký dưới mục thủ trưởng đơn vị trong phiếu thu tiền số 86 ngày 20/6/1994; phiếu thu tiền số 42 ngày 26/7/1993 với chữ ký ông Đậu Hữu Th nguyên chủ tịch UBND xã XA là một.

+ Hình dấu UBND xã XA, huyện NX, tỉnh Nghệ Tĩnh trong các tài liệu gửi giám định với hình dấu có cùng nội dung của UBND xã XA trong các tài liệu mẫu so sánh do một con dấu đóng ra.

+ Chữ viết trong đơn xin giao đất làm nhà ở, mang tên Trương Hữu H; trích lục bản đồ địa chính thửa đất mang tên Trương Hữu H ngày 15/11/2012 với chữ viết của ông Nguyễn Văn H công chức địa chính thị trấn XA trong các tài liệu mẫu so sánh là do một người viết.

+ Chữ viết trong biên bản bàn giao đất ngày 20/7/1993 với chữ viết ông Phan Duy V - Phó chủ tịch UBND xã XA trong các tài liệu mẫu so sánh là do một người viết.

+ Chữ viết trong phiếu thu số 42 ngày 26/7/1993 (phiếu thu mang tên Trương Hữu H) với chữ viết của ông Đậu Hữu Th nguyên Chủ tịch UBND xã XA, huyện NX trong các tài liệu mẫu so sánh là do một người viết.

- Kết luận giám định số 2804 ngày 10/10/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh đối với lô đất mang tên Trần Văn H phản ánh: Hộ ông Trần Văn H bắt đầu sử dụng đất là sau ngày 15/10/1993 (sau khi UBND tỉnh có Quyết định đình chỉ xưởng gỗ ngừng hoạt động và các thành viên của Tổ hợp tác đã phân chia tài sản), nên việc bồi thường cho hộ ông Hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định 84 (người sử dụng đất từ sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 và không có giấy tờ), cụ thể:

Bồi thường đất ở: $200\text{m}^2 \times 0,5 \times 2.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 250.000.000\text{đ}$ giá trị QSD đất ở (đã tính khấu trừ nghĩa vụ tài chính theo quy định).

Bồi thường đất trồng cây lâu năm: $40\text{m}^2 \times 33.390\text{đ}/\text{m}^2 = 1.357.200\text{đ}$.

Hỗ trợ đất vườn, ao liền kề đất ở: $40\text{m}^2 \times 0,5 \times 2.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 50.000.000\text{đ}$.

Tổng cộng: 301.357.200 đồng.

Như vậy, trên cơ sở kết luận giám định thì tổng số tiền thất thoát do bồi thường sai cho 02 hồ sơ Trương Hữu H và Trần Văn H là 351.000.000 đồng + (551.357.200 đồng - 301.357.200 đồng) = 601.000.000 đồng.

2. Hành vi bị truy tố và xét xử sơ thẩm về tội Cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng với Nguyễn Văn H, Lê Quang S, Đậu Hữu T, Nguyễn Văn Đ, Lê Duy V, Phan Duy Kh, Nguyễn Công M, Nguyễn Thị Hồng Nh đối với hồ sơ bồi thường mang tên Nguyễn Thị Hồng Nh:

Năm 1978, Công ty công trình giao thông 473 thuộc Bộ Giao thông vận tải, được UBND Nghệ Tĩnh giao đất tại khối 1, thị trấn XA, huyện NX với diện tích 10.747,5m² để xây dựng nhà xưởng, bãi lập kết vật liệu, khu nhà ở tập thể và nhà trẻ công ty. Năm 2001, Công ty 473 chuyển trụ sở sang thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nên bàn giao nhà trẻ (03 gian nhà cấp 4) cho UBND thị trấn XA quản lý, hoạt động. Đến năm 2004-2005 nhà trẻ chuyển về tập trung tại trường Mầm non thị trấn XA và 3 gian nhà trẻ đó được bàn giao cho khối phố 1, thị trấn XA quản lý. Sau khi tiếp nhận được một thời gian thì khối phố có chủ trương bán lại nhà trẻ đó cho Nguyễn Thị Hồng Nh (cán bộ phụ nữ khối 1) với giá 70 triệu đồng nhưng Nh không mua. Đến tháng 9/2006, khối phố tổ chức phá dỡ nhà trẻ lấy vật liệu bán và xây hàng rào hội quán mới, còn diện tích nền nhà trẻ bỏ hoang, không sử dụng. Năm 2007 Nguyễn Thị Hồng Nh làm đơn xin cấp đất xen dăm tại vị trí đó, được khối phố 1 và UBND thị trấn XA đồng ý làm thủ tục xét đề nghị cấp đất xen dăm nhưng do khu vực này chưa được quy hoạch nên hồ sơ không đủ điều kiện để trình UBND huyện NX đề nghị cấp đất theo quy định.

Năm 2009, thực hiện dự án xây dựng cầu Bến Thủy 2, cán bộ đo đạc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh tiến hành đo vẽ hiện trạng sử dụng đất (hồ sơ kỹ thuật thửa đất) các hộ ở khối 1 nằm trong diện giải tỏa. Khi đo vẽ diện tích nền nhà trẻ trên, Nguyễn Công Minh - Khối trưởng khối 1 đã chỉ dẫn cho cán bộ đo vẽ ghi tên chủ sử dụng là Nguyễn Thị Hồng Nh và tiến hành đo chung thửa với 2 hộ Nguyễn Văn Ch, Phan Văn Gi (ông Ch và ông Gi nguyên là công nhân Công ty 473 đã có hồ sơ mua Nhà nước trước đó). Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3, diện tích 498,5m², hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Nguyễn Văn H (công chức địa chính thị trấn XA) và Phan Duy Kh (chủ tịch UBND thị trấn XA) ký xác nhận.

Trước khi lập hồ sơ bồi thường cho Nguyễn Thị Hồng Nh thì Nguyễn Văn Đ, Lê Quang S biết rõ lô đất do Nh đứng tên không có giấy tờ, tài liệu chứng minh về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, không đảm bảo đúng quy định pháp luật, không đủ điều kiện được bồi thường. Khi đó Nguyễn Văn Đ và Lê Quang S báo cáo bằng miệng với Lê Duy V - Phó chủ tịch UBND huyện NX, Phó chủ tịch Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2) theo trình bày của khối phố 1, thị trấn XA, vào năm 2004 Nguyễn Thị Hồng Nh có mua hóa giá nhà trẻ của khối, hiện tại vẫn chưa có hồ sơ chứng minh nguồn gốc đất, nhưng Lê Duy V vẫn đồng ý và thống nhất lập hồ sơ bồi thường cho Nguyễn Thị Hồng Nh. Sau khi Lê Duy V có ý kiến thì Nguyễn Văn Đ chỉ đạo Lê Quang S lập hồ sơ hộ Nguyễn Thị Hồng Nh gồm: 01 Biên bản kiểm đếm ghi

ngày 22/10/2011, 01 biên bản áp giá bồi thường ngày 24/10/2011 do Nguyễn Văn Đ ký, sau đó đưa các hộ dân ký sau. Nguyễn Văn Đ chỉ đạo Lê Quang S chia diện tích 498m² cho 3 hộ nằm trong khu nhà trẻ 473 gồm Nguyễn Thị Hồng Nh, Phan Văn Ch, Nguyễn Văn Gi, mỗi hộ được 166m², Đ tiếp tục ký vào các biên bản trong hồ sơ cùng danh sách các hộ dân được bồi thường ngày 25/10/2011 trình thẩm định, phê duyệt.

Ngày 28/10/2011, tại cuộc họp của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2, khi Đậu Hữu T nêu kết quả thẩm định là hộ Nguyễn Thị Hồng Nh chưa có hồ sơ về đất, chưa đủ điều kiện bồi thường thì Nguyễn Văn Đ báo cáo lại nội dung theo báo cáo bằng miệng của cán bộ khối phố 1, thị trấn XA, đề nghị Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng phê duyệt bồi thường cho hộ này. Vì để đảm bảo tiến độ thi công và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu nên ông Nguyễn Hiền L - Chủ tịch UBND huyện NX, Chủ tịch Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 thống nhất cho lập hồ sơ nhưng chỉ đạo *"Đối với 3 hộ Nguyễn Thị Nh, Phan Văn Chi, Nguyễn Văn Gi đồng ý cho phê duyệt nhưng chưa được chi trả tiền, các hộ cần phải cung cấp hồ sơ để Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng xem xét nếu đủ điều kiện thì mới được chi trả tiền theo quy định"*. Thực hiện ý kiến kết luận của ông Nguyễn Hiền L, Đậu Hữu T lập Báo cáo thẩm định số 54 ngày 28/10/2011, nhận xét chung về hồ sơ cơ bản đúng với quy định hiện hành của Nhà nước. Sau đó hồ sơ bồi thường Nguyễn Thị Hồng Nh không được bổ sung gì thêm, nhưng Đậu Hữu T vẫn ban hành Công văn số 29 ngày 28/10/2011 tham mưu cho UBND huyện NX phê duyệt kinh phí bồi thường. Mặc dù ông Nguyễn Hiền L đã chỉ đạo yêu cầu bổ sung đủ hồ sơ mới được chi trả tiền nhưng Lê Duy V không chỉ đạo thực hiện kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện hay chưa mà sau khi tiền được chuyển về tài khoản của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 thì Lê Duy V đã duyệt chi trả tiền bồi thường cho Nguyễn Thị Hồng Nh khi kế toán chưa lập phiếu chi, không ký xác nhận vào danh sách chi trả, chưa có xác nhận của chính quyền địa phương. Để lập hồ sơ cho hộ Nguyễn Thị Hồng Nh, Nguyễn Văn Đ đã hướng dẫn Nh xin phiếu thu hóa giá nhà trả không, ghi lùi ngày trước 01/7/2004 để đảm bảo điều kiện được đền bù. Theo hướng dẫn của Đ, Nh đã đến gặp Nguyễn Công M (khối trưởng khối 1 thị trấn XA) xin phiếu thu tiền với nội dung mua hóa giá nhà trẻ của khối phố, Nguyễn Công M biết rõ Nguyễn Thị Hồng Nh không có đất tại khu vực đó, không mua nhà trẻ do Công ty 473 để lại, nhưng đã trực tiếp lập khống phiếu thu tiền phản ánh việc Nh mua nhà trẻ do khối quản lý sử dụng trước ngày 01/7/2004; lập khống trích sao biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư và trực tiếp ký xác nhận vào các tài liệu mà Minh biết rõ là không đúng sự thật trong hồ sơ bồi thường cho hộ Nguyễn Thị Hồng Nh. Sau khi có phiếu thu do Nguyễn Công M lập khống cùng với các tài liệu khác, Nguyễn Thị Hồng Nh đưa đến nộp cho Nguyễn Văn H (cán bộ địa chính thị trấn XA, thành viên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2). Nguyễn Văn H lập khống phiếu lấy ý kiến dân cư cùng với Phan Duy Kh - Chủ tịch UBND thị trấn XA, thành viên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2) ký xác nhận vào biên bản làm việc ngày 09/3/2012, tham gia

lập và ký xác nhận vào các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ Nguyễn Thị Hồng Nhộp. Nguyễn Văn H, Phan Duy Kh biết nội dung các giấy tờ trong hồ sơ bồi thường đất của Nguyễn Thị Hồng Nh là không đúng sự thật mà vẫn lập và ký xác nhận vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất rồi nộp lên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 để nhận tiền bồi thường trái quy định 149.400.000 đồng, số tiền bồi thường này đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán qua kho bạc. Sau khi nhận được 149.000.000 đồng tiền bồi thường nói trên Nguyễn Thị Hồng Nh đã tạm nộp vào kho bạc để mua đất tái định cư.

Bản án sơ thẩm xác định: Hành vi của Nguyễn Văn H, Lê Quang S, Nguyễn Văn Đ, Đậu Hữu T, Lê Duy V, Phan Duy Kh, Nguyễn Công M, Nguyễn Thị Hồng Nh đã cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về bồi thường, giải phóng mặt bằng, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 149.400.000 đồng.

*** Tài sản thu giữ:**

Quá trình điều tra ông Trần Văn H, người đứng ra nhận thay tiền bồi thường cho Đậu Hữu Th nộp lại 180.000.000 đồng (số tiền mà khi nhận bồi thường ông Trần Văn H chưa đưa hết cho Đậu Hữu Th). Đậu Hữu Th đã nộp số tiền 11.357.200 đồng, tổng 191.357.000 đồng. Hiện đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Số tiền mua đất tái định cư 3 hộ nộp hiện đang tạm giữ tại kho bạc huyện NX 860.400.000 đồng (trong đó hộ Nguyễn Thị Hồng Nh 149.400.000 đồng; hộ Trương Hữu H 351.000.000 đồng; hộ Trần Văn H 360.000.000 đồng);

Tổng số tiền do các bị cáo nộp đang bị tạm giữ và tiền các bị cáo nộp kho bạc huyện NX mua đất tái định cư là 1.051.757.200 đồng.

Diễn biến xét xử vụ án:

1. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 03/6/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã kết án:

- Nguyễn Văn H, Đậu Hữu Th về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Áp dụng khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H 07 năm tù; Đậu Hữu Th 30 tháng tù.

- Đậu Hữu T và Lê Quang S phạm 02 tội: “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Áp dụng khoản 1 Điều 165 và khoản 1 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù/01 tội, tổng hợp hình phạt, buộc mỗi bị cáo phải chịu 18 tháng tù và cho hưởng án treo.

2. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 353/2016/HSPT ngày 14/6/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 03/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để điều tra lại vụ án. Lý do: Tội danh với bị cáo S và bị cáo Th chưa đúng; cho hưởng án treo đối với một số bị cáo không đúng.

3. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 31/7/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Bị cáo Đậu Hữu Th phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Các bị cáo Lê Quang S, Đậu Hữu T phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 165; khoản 3 Điều 281; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự 2015; Điều 20; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt Nguyễn Văn H 05 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và 12 tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội Nguyễn Văn H phải chịu hình phạt chung là 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2014 đến ngày 22/10/2014.

Áp dụng khoản 3 Điều 281; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt Đậu Hữu Th 18 tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2013 đến ngày 15/5/2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 285; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt Lê Quang S 09 tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và 06 tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc Lê Quang S phải chịu hình phạt chung là 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2014 đến ngày 25/7/2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 285; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt Đậu Hữu T 09 tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và 06 tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc Đậu Hữu T phải chịu hình phạt chung là 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2014 đến ngày 08/9/2014.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với 04 bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, có 04 bị cáo kháng cáo. Cụ thể:

- Ngày 08/8/2018, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo kêu oan đối với tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và hình phạt 72 tháng tù là quá nặng.

- Ngày 09/8/2018, bị cáo Lê Quang S kháng cáo xin giảm hình phạt, đối với cả hai tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ. Ngày 05/11/2018, bị cáo Lê Quang S có “Đơn kháng cáo bổ sung”, đề nghị không xem xét xử lý bị cáo về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng”, đề nghị chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Ngày 10/8/2018, bị cáo Đậu Hữu Th kháng cáo đề nghị xin giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 10/8/2018, bị cáo Đậu Hữu T kháng cáo kêu oan đối với tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng”. Đề nghị xin giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đậu Hữu Th xin rút toàn bộ kháng cáo;

- Các bị cáo Nguyễn Văn H, Đậu Hữu T, Lê Quang S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng pháp luật, bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định và hợp lệ, căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, kháng cáo của các bị cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy:

- Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đậu Hữu Th đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đậu Hữu Th.

- Xét kháng cáo của các bị cáo còn lại:

+ Đối với hồ sơ của Nguyễn Thị Hồng Nh: Hồ sơ vụ án thể hiện rõ Nh không có đất được đền bù, xong các bị cáo Hóa, S, T vẫn đưa hồ sơ của Nh vào danh sách được bồi thường do đó cần phải bị xét xử cả ba bị cáo về tội Cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng mới chính xác. Tòa án cấp sơ thẩm lại xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là không phù hợp. Nhận thấy hai bị cáo S và bị cáo T

biết rõ hồ sơ của Nh không đủ điều kiện bồi thường, đã có báo cáo bằng văn bản và tại cuộc họp nhưng do bị cáo Việt và ông Nguyễn Hiền L - nguyên Chủ tịch huyện NX chỉ đạo nên vẫn thực hiện. Do đó, việc xác định bị cáo S và T là đồng phạm về tội Cố ý làm trái các quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng là đúng. Tuy nhiên, xét vai trò của hai bị cáo trên chỉ là cấp dưới, thực hiện theo sự chỉ đạo của cấp trên nên có vai trò thứ yếu, mờ nhạt, có thể miễn trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo Đậu Hữu T và Lê Quang S.

+ Đối với hồ sơ của Trần Văn H và Trương Hữu H: Hồ sơ của ông Trần Văn H trước đây đã được nộp tại Phòng tài nguyên môi trường huyện NX đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên trong hồ sơ không có Biên bản giao đất, không có hóa đơn thu tiền nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đậu Hữu T khi được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng tài nguyên và môi trường đã quản lý hồ sơ này và cầm về đưa cho Đậu Hữu Th và Đậu Hữu Th đã làm giả các tài liệu còn thiếu đưa cho Nguyễn Văn H làm thủ tục đề nghị bồi thường. Như vậy, các bị cáo T, S, H đã cố ý không thực hiện các công việc theo quy định như: Không tổ chức cho các hộ dân kê khai tài sản, diện tích đất bị thu hồi, không niêm yết công khai danh sách các hộ được bồi thường, không kiểm tra, đối chiếu với tài liệu lưu trữ tại địa phương... Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng. Bản án sơ thẩm kết tội bị cáo Hóa về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là bất lợi cho bị cáo; kết tội bị cáo T và S về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng là không chính xác.

+ Việc lập hồ sơ bồi thường 03 hồ sơ qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ căn cứ để khẳng định các bị cáo có lỗi cố ý, phạm tội Cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là không đúng tội danh. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự đối với tội Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng là không chính xác, tuy nhiên, nếu xét xử phúc thẩm các bị cáo theo khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự là bất lợi cho các bị cáo, không phù hợp quy định pháp luật.

+ Trần Văn H chỉ là người thuê đất nên không được hưởng chính sách bồi thường khi thu hồi đất. Bản án sơ thẩm căn cứ kết luận giám định số 2804 ngày 10/0/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh để xác định đã chi đúng số tiền 301.357.200 đồng cho ông Trần Văn H và quyết định trả lại số tiền này cho Đậu Hữu Th là không chính xác.

+ Đối với ông Nguyễn Hiền L - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NX: Mặc dù biết hồ sơ Nguyễn Thị Hồng Nh chưa có giấy tờ chứng minh nguồn gốc sử dụng đất nhưng vẫn phê duyệt, ngày 28/10/2011, khi Đậu Hữu T nêu ý kiến, ông L vẫn chỉ đạo đưa 03 hộ Nh, Chiến, Giới vào danh sách được bồi thường và chỉ đạo chưa được chuyển tiền, đủ điều kiện mới chuyển tiền. Nhưng

khi cấp dưới đề nghị bồi thường cho Nguyễn Thị Hồng Nh, ông L không thực hiện việc kiểm tra lại, chỉ nghe V, Đ báo cáo lại bằng miệng mà vẫn phê duyệt, đây là căn cứ để sau này bị cáo V ký quyết định bồi thường. Do đó, ông L phải chịu trách nhiệm đối với quyết định mình ký ra. Xét lỗi của ông L là lỗi cố ý, vai trò là người đứng đầu, phải chịu trách nhiệm chính đối với cấp dưới. Việc không truy tố, xét xử ông Nguyễn Hiền L là bỏ lọt tội phạm.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để điều tra lại.

* Người bào chữa cho bị cáo Đậu Hữu T có quan điểm:

- Đối với hồ sơ của Trần Văn H, Trương Hữu H: Bị cáo T là khâu cuối cùng trong quá trình lập, thẩm định hồ sơ bồi thường, khi Cơ quan điều tra làm việc mới phát hiện ra một số giấy tờ giả. Bản thân bị cáo T không thể có khả năng xác định giấy tờ giả hay thật, không phải chức năng, nhiệm vụ của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường mà trách nhiệm thuộc về người đầu tiên xây dựng hồ sơ. Quy trách nhiệm bị cáo T có hành vi cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng là không thỏa đáng.

- Đối với hồ sơ của Nguyễn Thị Hồng Nh: Không đủ căn cứ để kết luận bị cáo T phạm tội cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng, tài liệu điều tra không có chứng cứ nào thể hiện bị cáo T khẳng định hồ sơ của Nguyễn Thị Hồng Nh đủ điều kiện để bồi thường. Ông Nguyễn Hiền L trong các buổi làm việc với Cơ quan điều tra đều khẳng định bị cáo T không đồng ý bồi thường cho hộ Nguyễn Thị Hồng Nh. Bị cáo T làm hết trách nhiệm, đúng chức năng, nhiệm vụ đối với hồ sơ này. Về trách nhiệm tổng thể, bị cáo T phải chịu trách nhiệm nào đó trong việc để hậu quả nghiêm trọng xảy ra, tuy nhiên cần xem xét đến tình tiết hiện nay hậu quả đã được khắc phục, Nhà nước không bị thiệt hại.

- Bản thân bị cáo T chưa bao giờ vi phạm kỷ luật, vi phạm hành chính; nhân Th tốt; có thành tích trong công tác, bị cáo T có công giúp Cơ quan công an điều tra, phát hiện tội phạm; gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, bố mẹ được tặng thưởng huân chương kháng chiến; tham gia quân đội; hợp tác tốt với cơ quan điều tra, không quanh co, chối tội, hy vọng tìm ra đúng bản chất sự việc; sức khỏe của bị cáo không tốt, thường xuyên ốm đau. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo T không phạm tội Cố ý làm trái quy định của nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng; đồng thời xem xét hành vi Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, bị cáo chỉ liên đới chịu trách nhiệm, làm cơ sở lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Đậu Hữu Th xin rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ quy định tại điều 342, 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đậu Hữu Th. Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc xử phạt bị cáo Đậu Hữu Th 18 tháng tù về tội “Lợi dụng chức

vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2013 đến ngày 15/5/2014 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 07/6/2019.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H:

[2.1] Bị cáo là công chức địa chính thị trấn XA, đồng thời là thành viên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2. Bị cáo biết rõ 02 hồ sơ do Đậu Hữu Th đưa cho mang tên Trương Hữu H và Trần Văn H không đủ điều kiện xét bồi thường, trong đó có những tài liệu được Th lập khống như: Giấy nộp tiền, Biên bản giao đất nhưng do mối quan hệ gia đình, nể nang nên vẫn nhận hồ sơ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để tự hoàn thiện các thủ tục của hai bộ hồ sơ mà Đậu Hữu Th đưa để trình Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2. Hậu quả gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 601.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ và có lợi cho bị cáo so với mức hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo đối với tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

[2.2] Ngoài hành vi nêu trên, bị cáo Nguyễn Văn H còn có hành vi lập không phiếu lấy ý kiến dân cư, cùng với Phan Duy Kh (Chủ tịch UBND thị trấn XA, thành viên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2) ký xác nhận vào Biên bản làm việc ngày 09/3/2012, tham gia lập và ký xác nhận vào các giấy tờ tài liệu trong bộ hồ sơ do Nguyễn Thị Hồng Nh nộp. Bị cáo biết rõ Nguyễn Thị Hồng Nh không đủ điều kiện bồi thường theo quy định nhưng vẫn cố ý nhận, hoàn thiện hồ sơ, đưa vào danh sách để trình Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng xét duyệt. Hậu quả gây thất thoát cho Nhà nước số tiền 149.400.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2.3] Về hình phạt: Bản án sơ thẩm áp dụng quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 (tương ứng với điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015); Điều 20; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999 và xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và 12 tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, đều là mức khởi điểm của khung hình phạt và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm tù là thỏa đáng, không nặng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đậu Hữu T (nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường và Lê Quang S (nguyên cán bộ phòng Tài nguyên và môi trường):

[3.1] Với hai hồ sơ của Trần Hữu H và Trần Văn H: Bị cáo Đậu Hữu T và Lê Quang S đều là cán bộ của phòng Tài nguyên môi trường, là thành viên của

Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định về thu hồi, bồi thường, cụ thể: Không tổ chức xác minh tính pháp lý của đất bị thu hồi, không tổ chức cho các hộ dân kê khai tài sản, đất đai bị thu hồi; không tổ chức kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ lưu trữ tại địa phương; không niêm yết công khai danh sách các hộ dân được bồi thường; không thẩm định chặt chẽ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị bồi thường nêu trên, vi phạm các quy định tại điều 3 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Điều 8 thông tư 14/2009/TT-BTNMT và các Quyết định 4147/2009, 07/2010 và 11/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; dẫn đến việc không phát hiện ra sai phạm và làm thất thoát số tiền 601.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm kết án hai bị cáo về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" là có căn cứ.

[3.2] Với hồ sơ của Nguyễn Thị Hồng Nh: Nh không có đất tại khu vực đó, không mua hóa giá nhà trẻ của Công ty 473. Trước khi lập hồ sơ bồi thường thì S đã biết lô đất do Nh đứng tên không có giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất nên không đủ điều kiện được bồi thường. Bị cáo Lê Quang S (Cán bộ phòng TNMT, thành viên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng) đã báo cáo bằng văn bản ngày 21/10/2011 với Lê Duy V nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện NX - Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Cầu Bền Thủy 2. Bị cáo Việt đã bút phê cùng ngày 21/10: *"Để kịp tiến độ, đồng ý đưa hai hộ Ch, Nh vào danh sách phê duyệt kinh phí bồi thường. Giao tổ chuyên trách bổ sung đủ hồ sơ bồi thường trước khi chi trả tiền bồi thường"*. Bị cáo Đậu Hữu T là Trưởng phòng Tài nguyên môi trường cũng biết hộ Nguyễn Thị Hồng Nh không đủ điều kiện bồi thường. Bị cáo đã có văn bản số 29/TNMT ngày 28/10/2011, mục 7 nêu: *"Hai hộ Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Thị Hồng Nh chưa có hồ sơ giao đất, giao nhà nên chưa có cơ sở xem xét có được bồi thường hay không"* và xin ý kiến chỉ đạo. Tại cuộc họp của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cùng ngày 28/10/2011, bị cáo T cũng đã có báo cáo trực tiếp với Hội đồng về nội dung này, thể hiện tại Biên bản cuộc họp. Ông Nguyễn Hiền L, Chủ tịch huyện kết luận: *"Đối với 3 hộ Nguyễn Thị Hồng Nh, Phan Văn Ch, Nguyễn Văn Gi đồng ý cho phê duyệt nhưng chưa được chi trả tiền, các hộ cần phải cung cấp hồ sơ để Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng xem xét nếu đủ điều kiện thì mới được chi trả tiền theo quy định"*. Thực hiện ý kiến chỉ đạo, kết luận tại cuộc họp, Đậu Hữu T lập Báo cáo kết quả thẩm định số 34/BCTĐ-TN&MT cùng ngày 28/11/2010, tại điểm 2, mục C bị cáo T có yêu cầu: *"Hộ Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Thị Hồng Nh nộp giấy tờ liên quan đến việc giao đất, công nhận QSD đất"*. Như vậy, các bị cáo hoàn toàn biết việc đưa Nguyễn Thị Hồng Nh vào diện được bồi thường, tái định cư là sai nhưng vẫn cố ý thực hiện mà không bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp trên.

Điều 13 Nghị định 71/1998/NĐ-CP ngày 08/9/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan:

Trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ, cán bộ, công chức phải phục tùng sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên.

Cán bộ, công chức có quyền trình bày ý kiến, đề xuất việc giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khác với ý kiến của người phụ trách trực tiếp, nhưng vẫn phải chấp hành sự chỉ đạo của người phụ trách trực tiếp, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp trên.

Do đó, bản án sơ thẩm kết án hai bị cáo về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, không oan.

[3.3] Xét kháng cáo của hai bị cáo Đậu Hữu T và Lê Quang S về việc xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Về hình phạt: bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 285; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999 với cả hai bị cáo; xử phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” là dưới mức thấp nhất quy định tại khoản 1 Điều 165; xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, là mức khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều 285. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc mỗi bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 15 tháng tù là không nặng. Do cả hai bị cáo đều bị xét xử một lần về nhiều (02) tội nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với ông Nguyễn Hiền L (Nguyên Chủ tịch UBND huyện NX, chủ tịch Hội đồng bồi thường) Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã nhận định tại trang 19, 20 của bản án: "Ông Nguyễn Hiền L trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã có ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp yêu cầu bộ phận chuyên môn thực hiện đúng pháp luật về công tác bồi thường. Đối với hộ Nguyễn Thị Hồng Nh ông Nguyễn H L đã chỉ đạo tại cuộc họp của Hội đồng bồi thường: "Đối với 03 hộ Nguyễn Thị Hồng Nh, Nguyễn Văn Ch và Trần Văn Gi chưa được chi trả tiền, các hộ cần phải cung cấp hồ sơ để Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng xem xét nếu đủ điều kiện thì mới chi trả tiền theo quy định". Việc đề xảy ra sai phạm gây thất thoát ngân sách của Nhà nước số tiền 601.000.000 đồng trong việc bồi thường cho 02 hồ sơ Trương Hữu H và Trần Văn H là do một số thành viên trong Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đã không tuân thủ và làm hết trách nhiệm khi thực hiện quy trình, thủ tục lập hồ sơ bồi thường theo quy định. Ông Nguyễn H L với trách nhiệm của mình đã chỉ đạo cụ thể, tại thời điểm trình phê duyệt, hồ sơ những hộ này có đầy đủ tài liệu làm căn cứ để bồi thường nên không xác định được sai phạm. Việc ông Nguyễn Hiền L ký Quyết định phê duyệt bồi thường cho 19 hộ trong đó có hộ Nguyễn Thị Hồng Nh khi chưa đảm bảo tính pháp lý xét về hình thức có vi phạm Điều 8 Nghị định 197/CP. Việc làm của ông Nguyễn Hiền L cũng do áp lực của tiến độ giải phóng mặt bằng, xét thấy sai phạm trên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự". Nhận định nêu trên của bản án là phù hợp với các tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với diễn biến thực tế của quá trình giải phóng mặt bằng để thi công công trình Cầu Bến Thủy 2, bản thân ông Nguyễn Hiền L đã chỉ đạo kiên quyết, không có dấu hiệu vụ lợi. Vì lẽ đó các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Hà Tĩnh không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Hiền L là phù hợp.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng ông Trần Văn H không thuộc đối tượng được bồi thường và việc quyết định của bản án sơ thẩm trả lại số tiền bồi thường này không đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi UBND tỉnh có Quyết định đình chỉ xướng gỗ ngừng hoạt động và các thành viên của Tổ hợp tác đã phân chia tài sản thì hộ gia đình ông Trần Văn H bắt đầu quản lý, sử dụng đất, thời điểm quản lý, sử dụng đất sau ngày 15/10/1993. Do đó, việc bồi thường cho hộ ông Hóa là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về việc “Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai”. Do đó, Kết luận giám định số 2804 ngày 10/10/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh xác định số tiền 301.357.200 đồng Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cầu Bến Thủy 2 đã chi đúng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm căn cứ Kết luận giám định nêu trên để xác định lại số tiền thất thoát làm cơ sở xác định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và trả số tiền chi đúng này cho Đậu Hữu Th do tại biên bản làm việc ngày 26/01/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Văn H đều trình bày ông Hóa đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho Đậu Hữu Th và đề nghị trả số tiền được bồi thường đối với thửa đất cho Đậu Hữu Th là phù hợp.

[6] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Văn H, Đậu Hữu T, Lê Quang S và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đậu Hữu T; không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa về việc xác định các bị cáo có kháng cáo cùng phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 và hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

[5] Về án phí phúc thẩm hình sự: Căn cứ quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn H, Đậu Hữu T, Lê Quang S phải chịu án phí phúc thẩm hình sự. Bị cáo bị cáo Đậu Hữu Th đã rút toàn bộ kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ quy định tại điều 342, 348 Bộ luật tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đậu Hữu Th do bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa. Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về mức hình phạt 18 tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2013 đến ngày 15/5/2014 đối với bị cáo Đậu Hữu Th có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bị cáo rút kháng cáo 07/6/2019.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Đậu Hữu T, Lê Quang S. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”; Các bị cáo Lê Quang S, Đậu Hữu T phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Điều 20; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và 01 (một) năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc Nguyễn Văn H phải chịu hình phạt chung là 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2014 đến ngày 22/10/2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 285; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt Lê Quang S 09 tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và 06 tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc Lê Quang S phải chịu hình phạt chung là 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2014 đến ngày 25/7/2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 285; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 50 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt Đậu Hữu T 09 tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và 06 tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc Đậu Hữu T phải

chịu hình phạt chung là 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2014 đến ngày 08/9/2014.

3. Về án phí:

- Các bị cáo Nguyễn Văn H, Đậu Hữu T, Lê Quang S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh

